

Số: 103 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 11 năm 2014

### **KẾ HOẠCH**

#### **Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế**

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 10/02/2014 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KIÊN GIANG TRONG THỜI GIAN QUA**

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ IX, trong những năm qua, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã có bước phát triển tiến bộ trên nhiều mặt: Nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác giáo dục và đào tạo được nâng lên, các cấp, các ngành đã quan tâm hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo chăm lo cho sự nghiệp giáo dục-đào tạo của địa phương; chủ trương xã hội hóa giáo dục được nhân dân đồng thuận, ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đóng góp, ủng hộ, đầu tư vào lĩnh vực giáo dục- đào tạo; tỷ lệ ngân sách đầu tư cho giáo dục- đào tạo ngày càng tăng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được tăng cường; đội ngũ cán bộ, nhà giáo tăng cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo khá cao (98,76%); công bằng xã hội trong giáo dục-đào tạo được quan tâm và kết quả thực hiện ngày một tốt hơn, cơ hội học tập cho mọi đối tượng được đáp ứng và mở rộng.

Mạng lưới trường lớp tiếp tục được mở rộng và phát triển; quy mô các cấp học, ngành học từng bước hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên và đi vào thực chất. Tỉnh đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ I vào năm 2007 và được công nhận lại vào năm 2012, hiện có 11 xã đạt mức độ II; đạt

chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2008; tiếp tục củng cố kết quả xóa mù chữ cho người lớn. Cơ hội tiếp cận giáo dục có nhiều thuận lợi, nhất là đối với nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách.

Tuy nhiên, sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo trong tỉnh vẫn còn những hạn chế, bất cập. Mạng lưới trường lớp còn phân tán; hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia, trường ngoài công lập phát triển chậm. Việc đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn dàn trải, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học. Việc phân cấp, phối hợp quản lý giáo dục và đào tạo còn thiếu đồng bộ, nhất quán. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên vẫn còn thừa, thiếu cục bộ. Một bộ phận cán bộ, giáo viên chưa thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, thiếu tâm huyết với nghề, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục.

Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp, chưa đồng đều giữa các địa phương, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa dạy chữ, dạy người, dạy nghề. Việc giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, kỹ năng sống và lao động cho học sinh, sinh viên chưa được quan tâm đúng mức; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi, học sinh mầm non, tiểu học được học 2 buổi/ngày còn thấp và học sinh bỏ học còn cao, nhất là cấp trung học. Công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn khó khăn, kém hiệu quả. Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp; nhiều học sinh, sinh viên ra trường chưa tìm được việc làm hoặc phải làm việc không đúng chuyên ngành đào tạo. Tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định và những biểu hiện tiêu cực trong giáo dục, đào tạo vẫn còn xảy ra.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Một số cấp ủy, chính quyền chưa quán triệt đầy đủ những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, chưa thấy hết vai trò, trách nhiệm của mình trong lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo. Việc cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục-đào tạo, nhất là quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu" còn chậm và chưa triệt để. Ngành Giáo dục và Đào tạo chưa phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục- đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Một số cơ sở giáo dục- đào tạo thiếu chủ động, sáng tạo trong khắc phục khó khăn để nâng cao chất lượng, có nơi còn biểu hiện trông chờ, ỷ lại. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục- đào tạo chưa được quan tâm đúng mức, kịp thời. Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa thật sự chặt chẽ. Mặt trận, đoàn thể và một bộ phận nhân dân chưa quan tâm và xem việc học tập là nhu cầu cần thiết, là động lực để giảm nghèo. Không ít học sinh, sinh viên và người lao động chưa có động cơ và thiếu quyết tâm, phấn đấu trong học tập.

## **B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung khắc phục cơ bản những hạn chế, yếu kém; tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục-đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế- xã hội. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài gắn với xây dựng xã hội học tập và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục-đào tạo. Phát triển giáo dục vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số gắn với xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2020, các chỉ số phát triển giáo dục- đào tạo của tỉnh đạt khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và trên mức bình quân chung cả nước.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục- đào tạo, thực hiện chủ trương đổi mới chương trình, nội dung giáo dục- đào tạo từ ngành học mầm non đến giáo dục đại học và dạy nghề:

- Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015; đến năm 2020 có ít nhất 30% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 80% trong độ tuổi mẫu giáo được học tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Đến năm 2015, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt tối thiểu 98% ở tiểu học, 80% ở trung học cơ sở và 60% ở trung học phổ thông và tương đương; đến năm 2020 tỷ lệ này là 99%, 90% và 80%; đến năm 2015, có 30% và năm 2020 có trên 50% số trường đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện có kết quả Đề án phát triển trường chuyên, lớp chuyên, trường trọng điểm, trường phổ thông dân tộc nội trú; có 5% học sinh trung học phổ thông được học trường chuyên, lớp chuyên và 12% học sinh dân tộc được học trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyên đổi nghề. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa. Đến năm 2015, mỗi huyện có ít nhất 01 trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trung tâm dạy nghề (trừ huyện Kiên Hải); 100% trung tâm học tập cộng đồng hoạt động ổn định và hiệu quả; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi. Đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ độ tuổi 15-35 là 99%, tích cực xóa mù chữ cho người trong độ tuổi lao động, bảo đảm xóa mù chữ bền vững.

- Đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, sớm đưa Trường Đại học Kiên Giang vào hoạt động từ năm học 2014-2015; gắn với quan tâm củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên, đáp

ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phân đầu đến năm 2015, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 52% và năm 2020 đạt 67%.

## **II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

1.1 Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức sâu sắc và thực hiện đầy đủ quan điểm “giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân”, “phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho sự phát triển”, về sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

1.2 Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương phối hợp với cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục- đào tạo và nội dung của kế hoạch này, nhằm tạo sự đồng thuận thực hiện thành công Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch hành động này của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.3 Các cơ quan truyền thông phối hợp với ngành Giáo dục- Đào tạo, các cơ sở giáo dục mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền sâu rộng Kế hoạch này, kịp thời thông tin, phản ánh tình hình hoạt động giáo dục của địa phương, biểu dương gương người tốt, việc tốt trong các hoạt động giáo dục và đào tạo

### **2. Hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng tăng quy mô gắn với hệ thống giáo dục mở, liên thông, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập**

2.1 Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các ban, ngành, địa phương tiến hành rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện và triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, đáp ứng cả 3 mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Tập trung đầu tư cho các mục tiêu ưu tiên như: Hoàn thành Chương trình kiên cố hóa trường học và nhà công vụ cho giáo viên; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường chuyên, trường trọng điểm, trường phổ thông dân tộc nội trú; chú trọng đầu tư đáp ứng tiêu chí giáo dục và đào tạo xây dựng các xã nông thôn mới và nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đến năm 2015, phân đầu mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất một trường trọng điểm ở từng cấp học phổ thông, từng bước hình thành và phát triển hệ thống trường chất lượng cao các cấp học ở những nơi có điều kiện.

2.2 Tiếp tục sắp xếp và hoàn thiện hệ thống giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, đảm bảo tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng so với học sinh học nghề, học trung cấp chuyên nghiệp phù hợp với nhu cầu lao động trên địa bàn tỉnh. Chuẩn bị tốt các điều kiện để đưa Trường Đại học Kiên Giang đi vào hoạt động từ năm học 2014-2015 gắn với sắp xếp kiện toàn lại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề trong tỉnh.

2.3 Xây dựng hệ thống giáo dục mở và liên thông; khắc phục cơ bản tình trạng không đồng bộ về phát triển số lượng, quy mô với chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác dự báo về nhu cầu đào tạo nghề để xác định quy mô, cơ cấu hợp lý trong đào tạo nghề; thực hiện đào tạo theo tín chỉ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo, đánh giá năng lực người học.

2.4 Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp đối với học sinh trung học; xây dựng lộ trình, đẩy mạnh phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông; định hướng, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông gắn với phát huy mô hình liên thông, liên kết đào tạo giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

### **3. Đổi mới chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo; nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo**

3.1 Thực hiện lồng ghép hiệu quả các dự án, đề án về đổi mới phương pháp dạy học; hướng dẫn và thu hút học sinh trung học phổ thông nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tổ chức nhiều “sân chơi” trí tuệ cho học sinh. Nâng cao chất lượng dạy học theo hướng tăng cường kỹ năng thực hành; tập trung dạy cách học sáng tạo, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học.

3.2 Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Chú trọng nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học của học sinh. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục địa phương; dạy tích hợp, lồng ghép kiến thức lịch sử, văn hóa địa phương.

3.3 Thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học.

3.4 Quan tâm dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số; chú trọng đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Đa dạng hóa nội dung giáo dục nghề nghiệp theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Phát triển đa dạng nội dung, tài liệu học tập đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

3.5 Phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp và tạo điều kiện chuyển đổi ngành, nghề của người lao động. Thực hiện chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ theo hướng mở, phù hợp với đối tượng.

3.6 Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học; triển khai thực hiện chương trình tin học ứng dụng theo mô đun kiến thức; thực hiện quy định chuẩn kiến thức về công nghệ thông tin đối với giáo viên, sinh viên và học sinh.

#### **4. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học**

4.1 Chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015.

4.2 Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tiếp tục rà soát, đánh giá chương trình, sách giáo khoa; đảm bảo xây dựng nội dung dạy học đạt yêu cầu cơ bản, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4.3 Đổi mới hình thức kiểm tra, thi nhằm đánh giá kết quả giáo dục đào tạo đúng thực chất; đổi mới toàn diện từ khâu ra đề đảm bảo cấu trúc đề theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình gắn với từng môn học, cấp học và tính chất kỳ kiểm tra, kỳ thi. Thực hiện đổi mới phương pháp kiểm tra, thi, theo hướng đánh giá năng lực người học; tiến tới thực hiện một kỳ thi quốc gia, lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và làm căn cứ tuyển sinh đào tạo nghề và đào tạo cao đẳng, đại học.

4.4 Các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tiến hành rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo bảo đảm thống nhất, liên thông theo từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu lao động; tiếp nhận, ứng dụng có hiệu quả chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và từ các nước tiên tiến.

4.5 Đổi mới phương thức tổ chức và quản lý đào tạo theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở đào tạo. Quy định trách nhiệm và cơ chế phù hợp để mở rộng các hình thức, nội dung liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong đào tạo, sử dụng nhân lực và nghiên cứu chuyển giao công nghệ; chú trọng việc phối hợp, liên kết trong đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp học, gắn với nhu cầu của ngành, của địa phương.

4.6 Triển khai đồng bộ theo tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020, tập trung vào các nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, đổi mới về tổ chức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

#### **5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ, công chức, viên chức quản lý giáo dục**

5.1 Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX “về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”. Thực hiện một số chính sách đối với nhà giáo phù hợp với điều kiện ở địa phương như: chính sách luân chuyển, biệt phái giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng nhà công vụ cho giáo viên ở những vùng khó khăn; khuyến khích tăng tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp, giáo viên

người dân tộc thiểu số thông thạo tiếng dân tộc ở những vùng có đông đồng bào dân tộc.

5.2 Sắp xếp, kiện toàn, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ các trường cao đẳng và các cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh; chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu “đổi mới cơ bản, toàn diện” của ngành. Trường Cao đẳng Sư phạm tập trung thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tăng cường đào tạo các loại hình giáo viên còn thiếu; phấn đấu đến năm học 2015-2016 giải quyết cơ bản việc thiếu giáo viên mầm non.

5.3 Chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo theo hướng toàn diện về đạo đức, trí tuệ và thể lực; có ý chí, năng lực tự học và tự nghiên cứu; chủ động và có khả năng thích ứng trong các môi trường, điều kiện công tác.

5.4 Tăng cường công tác thông tin, dự báo nhu cầu nhân lực ngành Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình, sách giáo khoa mới sau 2015.

5.5 Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác; có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

5.6 Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý tự giác nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đầu tư chăm bồi đội ngũ cán bộ chủ chốt của ngành, nhà giáo trẻ, có trình độ chuyên sâu ở một số môn học, ngành, nghề mũi nhọn.

## **6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề**

6.1 Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục, đào tạo và dạy nghề trên địa bàn tỉnh. Đề xuất Trung ương chỉnh sửa, bổ sung, ban hành đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đánh giá các cấp quản lý, các cơ sở và cá nhân trong hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề; kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

6.2 Tăng cường phân cấp quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Phát huy tốt vai trò của các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề địa phương trong việc tham gia quyết định về quản lý nhân sự, đầu tư, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

6.3 Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề, gắn trách

nhiệm với quyền hạn sử dụng nhân sự và tài chính. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình giáo dục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

6.4 Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác quản lý của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề, nhất là đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra trong quá trình đào tạo. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và thông báo công khai trước công luận nhằm khắc phục cơ bản tiêu cực trong dạy thêm, học thêm, thi cử, lạm thu trong trường học; quản lý chặt chẽ việc đào tạo không chính quy, liên kết đào tạo ngoài tỉnh và nước ngoài.

6.5 Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học- công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Tăng cường ứng dụng phần mềm công nghệ vào hoạt động quản lý và dạy học nhằm từng bước tiến tới công khai hóa, minh bạch hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề; đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước.

6.6 Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục các cấp. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề; công khai kết quả kiểm định, lấy kết quả làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

**7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính; tăng cường cơ sở vật chất, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo**

7.1 Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”.

7.2 Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Tăng đầu tư ngân sách xây dựng cơ bản, tăng nguồn lực xã hội hóa, tập trung đầu tư cho các mục tiêu, chương trình trọng điểm về giáo dục, đào tạo. Từng bước bảo đảm đủ kinh phí hoạt động chuyên môn cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

7.3 Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực xã hội để đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về vốn, mặt bằng cho việc duy trì và khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập, nhất là giáo dục mầm non và giáo dục nghề nghiệp; tiến tới xã hội hóa đáp ứng nhu cầu giáo dục chất lượng cao ở những nơi có điều kiện. Đối với các cơ sở giáo dục-đào tạo có uy tín, chất lượng, tỉnh sẽ có cơ chế khuyến khích thực hiện xã hội hóa một phần; ngân sách nhà nước chỉ dành hỗ trợ các đối



tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích phát triển tài năng. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các trường trung học phổ thông ngoài công lập.

7.4 Căn cứ kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, các địa phương xem xét, đầu tư điểm một số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thành trường chất lượng cao trên địa bàn. Đến năm 2020, mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 2 trường chất lượng cao ở mỗi cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và 1 trường trung học phổ thông.

7.5 Tập trung khắc phục căn bản tình trạng trường lớp học xuống cấp và phòng học tạm ở vùng sâu, vùng xa thông qua Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; các chương trình, dự án của Trung ương và địa phương.

7.6 Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với nhà giáo, học sinh thuộc đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng được vay tiền để học đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng xứng đáng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục-đào tạo.

## **8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý**

8.1 Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đặc biệt, phát huy năng lực, vai trò tư vấn của Hội đồng khoa học- công nghệ, vai trò quản lý hoạt động khoa học -công nghệ của cơ quan chuyên ngành; năng lực nghiên cứu, chuyển giao khoa học-công nghệ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

8.2 Hình thành các tổ chức hoạt động khoa học- công nghệ ở các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề. Dành một khoản kinh phí từ ngân sách tỉnh cho hoạt động khoa học-công nghệ. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

8.3 Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường học không phân biệt công tư; phát triển nguồn học liệu kỹ thuật số.

## **9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

9.1 Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020 theo Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

9.2 Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Mở rộng liên kết đào tạo

với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo.

9.3 Tiếp tục thực hiện quy hoạch đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với đội ngũ giáo viên, giảng viên, chuyên gia, cán bộ chuyên sâu các ngành khoa học mũi nhọn, đặc thù ở địa phương. Khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

9.4 Xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ; tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế tại các cơ sở đào tạo.

9.5 Xây dựng chính sách hỗ trợ, quản lý việc học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên của tỉnh đang học tập, nghiên cứu ở nước ngoài và các cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài tại tỉnh.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện triển khai các nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục và đào tạo hàng năm; ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan và từ nguồn xã hội hóa giáo dục.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng dự toán thực hiện Kế hoạch, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 47-CT/TU của Tỉnh ủy; các chiến lược, chính sách pháp luật về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể cho từng năm, từng giai đoạn để chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch này; phối hợp Sở Lao động- Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, tổ chức sơ kết, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí ngân sách hàng năm cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo để triển khai thực hiện Kế hoạch.

#### **2. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội:**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện đối với lĩnh vực dạy nghề.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí ngân sách hàng năm cho lĩnh vực dạy nghề để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền kịp thời đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và kết quả thực hiện về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

### **4. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách bảo đảm nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

### **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội cân đối vốn đầu tư phát triển thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

### **6. Sở Nội vụ:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định; sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ đãi ngộ, chăm bồi đội ngũ nhà giáo trẻ, có trình độ chuyên sâu ở một số môn học, ngành, nghề mũi nhọn.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

### **7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

- Căn cứ vào Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện tại địa phương.

- Chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để nhân dân tích cực tham gia.

- Định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này địa bàn huyện, thị xã, thành phố và gửi báo cáo về cơ quan thường trực để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **8. Đề nghị:**

### **8.1 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

### **8.2 Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có gì khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để được chỉ đạo giải quyết kịp thời. *Đ*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P.VHXXH;
- Lưu: VP, Idlinh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Đặng Tuyết Em*

**Đặng Tuyết Em**

PHỤ LỤC



Cây văn bản triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh Kiên Giang hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Kế hoạch số 103 ngày 05/ 11/2014 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Kế hoạch thực hiện Đề án truyền thông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	2015
2	Kế hoạch rà soát, hoàn thiện mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non, phổ thông và dạy nghề giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan	2015
3	Kế hoạch thực hiện Đề án phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông.	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan	2015
4	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015 – 2020.	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan	2016
5	Kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo.	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan	2015

6	Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2016
7	Kế hoạch thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2015-2020.	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2015
8	Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2015 – 2020.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ	2015